

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

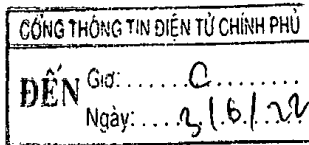
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03 /2022/NQ-HĐND

Bình Thuận, ngày 25 tháng 5 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định
phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo,
phục hồi môi trường bổ sung trên địa bàn tỉnh**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 7 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6
năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản
quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành
văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày
31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của
Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Phí và Lệ phí;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định
của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số
85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân
tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

Xét Tờ trình số 1055/TTr-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 28/BC-HĐND ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung trên địa bàn tỉnh

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung trong hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Người nộp phí: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh thực hiện thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung trong hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

b) Tổ chức thu phí: Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến kê khai, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung trong hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

3. Mức thu phí:

a) Đối với trường hợp thẩm định lần đầu:

STT	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Mức phí (triệu đồng)
1	Đến 10	6,0
2	Trên 10 đến 20	9,0
3	Trên 20 đến 50	10,5
4	Trên 50 đến 100	18,9
5	Trên 100 đến 200	21,0
6	Trên 200 đến 500	27,3

STT	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Mức phí (triệu đồng)
7	Trên 500 đến 1.000	30,8
8	Trên 1.000 đến 1.500	33,6
9	Trên 1.500 đến 2.000	34,3
10	Trên 2.000 đến 3.000	35,7
11	Trên 3.000 đến 5.000	37,1
12	Trên 5.000 đến 7.000	39,2
13	Trên 7.000	42,7

b) Đối với trường hợp thẩm định lại (trong trường hợp thẩm định lần đầu được Hội đồng thẩm định bỏ Phiếu thẩm định không thông qua): Không thu.

4. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí:

a) Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung trong hoạt động khai thác khoáng sản thu bằng đồng Việt Nam. Người nộp phí thực hiện nộp phí theo từng lần phát sinh.

b) Tổ chức thu phí được để lại 80% tổng số tiền phí thu được; phần còn lại 20% số phí thu được nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định. Tiền phí được để lại phải quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.

c) Các nội dung khác liên quan đến việc kê khai, thu, nộp, quản lý, sử dụng phí được thực hiện theo quy định Luật Phí và lệ phí năm 2015, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí, Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận khoá XI, kỳ họp thứ 7 (chuyên đề) thông qua ngày 25 tháng 5 năm 2022, có hiệu lực từ ngày

06 tháng 6 năm 2022 và thay thế Nghị quyết số 47/2018/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường và phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đối với các dự án khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban công tác Đại biểu - UBTW Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh,
Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bình Thuận;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng: ĐDBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước Bình Thuận;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT. (CTHĐ.08) Duy

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hoài Anh